

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ BA DINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH  
GIA ĐÌNH NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG LÃNH ĐẠO XÃ  
ĐI THĂM, TẶNG QUÀ NHÂN KỶ NIỆM 79 NĂM NGÀY THƯỜNG BINH - LIỆT SĨ (27/7/1947-27/7/2026)  
(Kèm theo Quyết định số:       /QĐ-UBND ngày       /7/2026 của Chủ tịch UBND xã Ba Dinh)

| TT | Họ và tên              | Năm sinh   | Địa chỉ (thôn)      | Đối tượng                | Số hồ sơ | Tiền mặt<br>(đồng) | Ghi chú |
|----|------------------------|------------|---------------------|--------------------------|----------|--------------------|---------|
| 1  | Phạm Thị Ứng<br>(Uông) | 01/01/1949 | Ba Nhà              | Tuất 01 LS               | 5965     | 500.000            |         |
| 2  | Phạm Thị Đoi           | 01/01/1954 | Ba Nhà (Nước Lô cũ) | TB 28%                   | 132132   | 500.000            |         |
| 3  | Phạm Văn Rếp           | 01/01/1949 | Ba Nhà (Nước Lô cũ) | BB 61%                   | 66581    | 500.000            |         |
| 4  | Phạm Thị Nho           | 01/01/1945 | Ba Nhà (Nước Lô cũ) | Tuất 01 LS               | 21235    | 500.000            |         |
| 5  | Phạm Thị Ré            | 01/01/1957 | Gò Khôn             | Tuất 01 LS               | 21298    | 500.000            |         |
| 6  | Phạm Văn Nu            | 01/01/1951 | Gò Ghềm             | BB 50%                   | 1315     | 500.000            |         |
| 7  | Phạm Văn Hâng          | 01/01/1956 | Kà La               | BB 61%                   | 74430    | 500.000            |         |
| 8  | Phạm Thị Déo           | 02/09/1954 | Kà La               | BB 61%                   | 74420    | 500.000            |         |
| 9  | Phạm Văn Nghi          | 01/01/1956 | Kà La               | BB 64%                   | 74413    | 500.000            |         |
| 10 | Phạm Thị Pử            | 01/01/1954 | Kà La               | BB 66%                   | 74400    | 500.000            |         |
| 11 | Phạm Thị Ru            | 01/01/1958 | Kà La               | Tuất 01 LS               | 4135     | 500.000            |         |
| 12 | Phạm Thị Manh          | 01/01/1963 | Kà La               | Tuất 01 LS<br>hưởng ĐXND | 49594    | 500.000            |         |
| 13 | Phạm Thị Hiếu          | 01/01/1954 | Kách Lang           | BB 61%                   | 67452    | 500.000            |         |
| 14 | Phạm Thị Dọt           | 01/01/1959 | Kách Lang           | Tuất BB                  | 1641     | 500.000            |         |
| 15 | Phạm Thị Long          | 01/01/1954 | Làng mắng           | BB 50%                   | 228      | 500.000            |         |
| 16 | Phạm Văn Téo           | 01/01/1952 | Làng mắng           | BB 61%                   | 67895    | 500.000            |         |
| 17 | Phạm Thị Hoi           | 15/08/1949 | Làng mắng           | Tuất 01 LS               | 5972     | 500.000            |         |

|           |                |            |           |            |       |            |  |
|-----------|----------------|------------|-----------|------------|-------|------------|--|
| 18        | Phạm Văn Ách   | 01/01/1954 | Nước Lang | BB 45%     | 247   | 500.000    |  |
| 19        | Phạm Thị Giang | 01/01/1957 | Nước Lang | Tuất 01 LS | 21290 | 500.000    |  |
| 20        | Phạm Thị Xé    | 01/01/1954 | Đồng Dinh | BB 50%     | 865   | 500.000    |  |
| TỔNG CỘNG |                |            |           |            |       | 10.000.000 |  |